

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:124 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 11 năm 2019

“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà – Bà Phạm Thị Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:432/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2019/ QĐ-HPT ngày 22/11 /2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh ngày 22/5/1995.

Trú tại: xóm 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh ngày 16/7/1991.

Trú tại: xóm 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Xuân H cưới nhau vào tháng 11/2017, trước khi đến với nhau anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới chị T, anh H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:97/2017, ngày 20/11/2017. Theo chị T sau khi kết hôn thì đến tháng 8/ 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H sống không tôn trọng vợ, lấy quyền làm chồng, thường kiếm cớ để gây

chuyện với vợ, thậm chí còn đánh đập vợ mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn. Mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung nên vợ chồng đã xử sự không đúng mực đối với nhau, chị T góp ý, động viên anh H từ bỏ tật xấu để vợ chồng tiếp tục sống duy trì hôn nhân thì bị anh H chửi bới, đánh đập cho rằng vợ dạy khôn chồng. Chị T đã cố gắng níu kéo hôn nhân, gia đình hai bên đã hòa giải, vun vén, động viên vợ chồng đoàn tụ xây dựng hôn nhân nhưng không có kết quả, ngược lại mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc hơn. Không thể sống chung được với anh H, chị T đã về bên ngoại sống ly thân cắt đứt các quan hệ từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Chị T xác định hôn nhân giữa chị và anh H đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng thể đoàn tụ, chị T đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Trần Huyền M (Giới tính: nữ) sinh ngày 15/9/2018. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không có trách nhiệm gì đối với con chung kể cả vật chất và tinh thần, chị T đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu tòa giải quyết

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Trần Xuân H không hợp tác, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Trần Thị T cung cấp, cũng như xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương, trình bày của chị T nêu trong đơn khởi kiện, trình bày bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị Trần Thị T đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Trần Xuân H yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh H không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Trần Thị T có mặt, bị đơn anh Trần Xuân H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên

tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

-Về nội dung:

+/ Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Xuân H đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa chị T và anh H là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 97/2017 ngày 20/11/2017, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Xuân H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh H đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc, nguyên nhân chủ yếu là sau khi sống chung, vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, anh H lấy quyền làm chồng, sống thiếu tôn trọng vợ, không quan tâm đến vợ con, thường kiếm cớ gây chuyện đối với vợ, thậm chí còn đánh đập chửi bới chị T lúc vợ chồng mâu thuẫn. Chị T đã góp ý cho chồng sửa đổi tính cách lối sống để vợ chồng tiếp tục hôn nhân, xây dựng hôn nhân bền vững, nhưng anh H không nghe con cho rằng vợ dạy khôn chồng, do vậy vợ chồng đã có những lời nói, xử sự không đúng mực đối với nhau. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình vun vén, chị T đã cố gắng níu kéo hôn nhân nhưng không đưa lại kết quả, ngược lại mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng sâu sắc dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, quá trình sống ly thân các bên không liên lạc níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị T, anh H đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân H là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trần Xuân H.

+/Về quan hệ con chung: Để có căn cứ về việc giao nuôi con, Tòa án đã tiến hành xác minh điều kiện sống, sinh hoạt con chưa thành niên của vợ chồng tại địa phương trong quá trình vợ chồng sống ly thân. Kết quả xác minh thấy rằng con chung của vợ chồng đang dưới 3 năm tuổi, đang được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, mặc dù không có sự hỗ trợ về vật chất và tình thần của anh H để nuôi con, nhưng chị T vẫn nuôi dạy con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển về mọi mặt. Nay chị T yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng pháp luật, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Trần Thị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Trần Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Xuân H cho đến lúc có yêu cầu.

+/Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

+/- Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Xuân H.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung cháu Trần Huyền M (Giới tính: nữ) sinh ngày 15/9/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Xuân H cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Trần Xuân H người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0000140 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã P (Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc